

Bản án: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20/3/2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình –Ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân
huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng : Không tham gia
phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 650/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07
tháng 11 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con
chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48/2024/QĐXX - ST,
ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự;

1. **Nguyên đơn:** Chị Mã Thị Bé D, sinh năm: 1990; địa chỉ: khu phố N, thị
trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Vương Quốc A, sinh năm: 1983; địa chỉ: khu phố N, thị
trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 nguyên đơn chị Mã Thị Bé D trình
bày:*

Chị và anh A trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia
đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 19/11/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/12/2009. Quá
trình chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân
vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, trong thời gian lao động 06 năm ở
Hàn Quốc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, luôn bất đồng về quan điểm và
cách sống, anh A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã bỏ qua rất
nhiều lần và đã cho nhau nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng vẫn không có kết quả.
Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào khoảng tháng 10/2020, vợ chồng sống ly thân

ở bên Hàn Quốc. Anh A về Việt Nam vào năm 2022, còn chị thì về sau vào tháng 8/2023. Sau khi về Việt Nam tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh A; Về con chung: Có 02 con chung tên Vương Ngọc H - sinh ngày 17/8/2011, Vương Ngọc A1- sinh ngày 20/3/2015, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Quốc A đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Chị Mã Thị Bé Dyêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự : Anh A đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tổng đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh A không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Vương Quốc A.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Mã Thị Bé D và anh Vương Quốc A trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 19/11/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/12/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, theo như lời trình bày của chị D thì anh A có quan hệ ngoại tình với người khác khi hai vợ chồng còn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để sửa chữa, hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Chị D và anh A sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, giữa chị D và anh A không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai lấy sống. Nay chị D thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh A không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh A. Đối với anh A, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh A; nhưng anh A vẫn không có ý kiến gì về việc chị Dyêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị D và anh A phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, lâu dài, bền vững, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc nhau; như lời trình bày của chị D thì vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

10/2020 đến nay. Như vậy, hôn nhân của chị D và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Mã Thị Bé D được ly hôn với anh Vương Quốc A.

{2.2} Về con chung: Anh - chị có 02 người con chung tên Vương Ngọc H - sinh ngày 17/8/2011, Vương Ngọc A1 - sinh ngày 20/3/2015, chị yêu cầu được nuôi 02 cháu, không yêu cầu anh A cấp dưỡng, hiện nay các cháu đang ở với chị. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh A nhưng anh A không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị D yêu cầu được nuôi cháu H, cháu A. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị D và anh A sống ly thân cho đến nay, các cháu sống với chị D, chị vẫn chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, tại bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu H, cháu A1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Mã Thị Bé D phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 2223 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Mã Thị Bé D được ly hôn với anh Vương Quốc A.

2. Về con chung: Xử giao cháu Vương Ngọc H - sinh ngày 17/8/2011, Vương Ngọc A1 - sinh ngày 20/3/2015 cho chị Mã Thị Bé D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền đến thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung , không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Mã Thị Bé D phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 2223 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Chị D được tính kể từ ngày tuyên án (20/3/2024); anh A được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên